

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2018

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Phước Trinh

2- Bà Phạm Thị Ngọc

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 961/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 488/2017/QĐST-DS ngày 21/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 456/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Bích L, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 28C, đường 657, tổ 08, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 28C, đường 657, tổ 08, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 27/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Bích L trình bày: Bà với ông Nguyễn Hoàng T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 94/2005, ngày 24/6/2005. Sau khi kết hôn, bà chung sống bên nhà chồng tại ấp B, xã P, huyện C. Qua nhiều năm chung sống, cuộc sống vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng và không còn hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông T có tật cờ bạc, ăn chơi, không quan tâm chăm lo gia đình và nghiện ma túy đá. Ông Thiện thường xuyên đánh đập bà khi lên cơn nghiện ma túy. Bà luôn lo sợ tính mạng bị đe dọa khi sống cùng ông T.

Hiện vợ chồng bà không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Huy H, sinh ngày 27/7/2006. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản sao); 01 giấy khai sinh (bản sao); Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y); Đơn xác nhận của công an xã P về tình trạng nghiện ma túy của ông T.

Ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án tổng đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích L với ông Nguyễn Hoàng T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2005, ngày 24/6/2005 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà L thì mâu thuẫn giữa bà với ông T là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, ông T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên cờ bạc, nghiện chất ma túy và đánh đập bà tàn nhẫn. Mặc dù sống chung một nhà nhưng bà luôn lo sợ cho tính mạng của mình bị đe dọa và không còn tình cảm vợ chồng.

Ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà L với ông T không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Huy H, sinh ngày 27/7/2006. Trẻ H đang sống với bà L. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ H, xét cần giao bà L tiếp tục nuôi dưỡng trẻ H là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có nên Tòa không xem xét

Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên Tòa không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần buộc bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2005, ngày 24/6/2005 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C cấp cho bà Phạm Thị Bích L và ông Nguyễn Hoàng T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Huy H, sinh ngày 27/7/2006. Giao trẻ H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có nên Tòa không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên Tòa không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Phạm Thị Bích L phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007183 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan